TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 186/2018/DS-PT
Ngày: 17/8/2018
V/v tranh chấp HĐDS vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Thẩm phán: Ông Sỹ Danh Đạt

Ông Đinh Chí Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Bùi Văn Thân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 17 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2018/TLPT-DS ngày 30 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2017/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 210/2018/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Việt T, sinh năm: 1954; Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Đ

2. Bị đơn: Chị Ngô Thị N, sinh năm 1975

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Văn C, sinh năm 1972 (chồng bà N).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đ. Chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Văn C là chị Ngô Thị N (Văn bản ủy quyền ngày 14/8/2018).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Ngô Việt T trình bày:

Ông là anh ruột chị N, vì là chỗ anh em nên vào ngày 13/9/2009, ông có cho chị N và anh C mượn 11 cây vàng 24kr 9T8 (có biên nhận), số vàng này là của ông T cầm cố 11 công đất ruộng, đồng thời có thỏa thuận với anh C, chị N phải có nghĩa vụ trả tiền thuê đất trên mỗi năm là 22.000.000 đồng cho ông T, mục đích là để anh C, chị N mua đất ruộng. Hợp đồng cầm cố đến hạn nhưng anh C, chị N không trả lại số vàng trên mà chỉ trả được số tiền 44.000.000 đồng. Do đó, vào ngày 18/7/2013, ông T làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện T yêu cầu chị N, anh C trả 110 chỉ vàng 24kr 9T8 và 44.000.000 đồng tiền thuê mướn đất còn lại.

Ngày 30/8/2013, tại phiên hòa giải ông T chỉ yêu cầu một mình chị N trả nợ cho ông, không yêu cầu tính lãi. Chị N đồng ý.

Ngày 09/9/2013, Tòa án nhân dân huyện T ban hành Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 106/2013/QĐST-DS.

Do quá trình thi hành án tài sản của anh C không được thi hành để đảm bảo trả nợ cho ông T nên ông T, chị N khiếu nại yêu cầu Giám đốc thẩm và Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM đã hủy Quyết định công nhận sự thỏa thuận số 106/2013/QĐST-DS ngày 09/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện T, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm lại.

Khi Tòa án nhân dân huyện T thụ lý lại, ông T trình bày số tiền 44.000.000 đồng không phải tiền thuê đất mà là tiền ông T cho chị N, anh C vay nhưng không có làm giấy tay.

Nay ông T yêu cầu chị N, anh C liên đới trả cho ông 110 chỉ vàng 24kr 9T8 và 44.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, thống nhất giá vàng 24kr 9T8 tại thời điểm hiện nay là 3.360.000 đồng/chỉ.

- Bị đơn chị Ngô Thị N trình bày: Chị N thống nhất lời trình bày của anh T. Chị N thống nhất liên đới với anh C trả cho ông T 110 chỉ vàng 24kr 9T8 và 44.000.000 đồng.

Chị N thống nhất khấu trừ số tiền 4.950.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0009125 ngày 13/3/2005 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T vào số tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án này và thống nhất giá vàng 24kr 9T8 tại thời điểm hiện nay là 3.360.000 đồng/1 chỉ. Chị N còn yêu cầu số tài sản của vợ chồng chị N mà Cơ quan Thi hành án dân sự huyện T đã thi hành phải trả lại cho chị N để chị N bán trả đều cho các chủ nợ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn C trình bày: Anh thống nhất lời trình bày của chị N. Anh C thống nhất liên đới với chị N trả cho ông T 110 chỉ vàng 24kr 9T8 và 44.000.000 đồng. Nhưng anh yêu cầu số tài sản của vợ chồng anh mà Cơ quan Thi hành án dân sự huyện T đã thi hành phải trả lại cho anh để vợ chồng anh bán trả đều cho các chủ nợ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2017/DS-ST ngày 13/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông Ngô Việt T với chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C cụ thể như sau: Chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C đồng ý liên đới trả cho ông Ngô Việt T 110 chỉ vàng 24kr 9T8 và 44.000.000 đồng, không tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.544.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền án phí 4.950.000 đồng mà chị N đã nộp theo biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0009125 ngày 13/3/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Vậy chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C còn phải liên đới chịu 15.594.000 đồng.

Ông Ngô Việt T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông T 10.140.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số BN/2013 03397 ngày 14/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về thời hạn kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án.

- Ngày 25/9/2017, bị đơn chị Ngô Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn C kháng cáo yêu cầu cơ quan thi hành trả lại tài sản để bán trả nợ chia đều cho các chủ nợ. Xin được miễn tiền án phí sơ thẩm lần 2 vì ngay từ đầu vợ chồng anh chị đã đồng ý trả nợ. Yêu cầu xem xét bồi thường thiệt hại vì quyền lợi bị xâm hại do những người tiến hành tố tụng gây ra.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn ông Ngô Việt T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

+ Bị đơn chị Ngô Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Văn C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

+ Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị N, anh C, sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí. Do Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giảm 50% án phí cho chị N, anh C là không đúng quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét thấy ông T khởi kiện yêu cầu chị N và anh C liên đới trả cho ông T 110 chỉ vàng 24kr 9T8 và 44.000.000 đồng, không tính lãi; chị N và anh C cũng thống nhất yêu cầu của ông T là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của chị N và anh C yêu cầu được miễn tiền án phí. Xét thấy, theo Quyết định số 106/2013/QĐST-DS ngày 09/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện T, thì chị N được miễn 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm, chị N còn phải nộp 4.950.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (chị N đã nộp xong án phí). Ngày 09/8/2016 Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 106/2013/QĐST-DS ngày 09/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đ, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định, nên số tiền án phí chị N đã nộp được trừ vào tiền án phí. Về phía chị N có đơn xin miễn giảm tiền án phí có xác nhận của chính quyền định phương về hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, chị N cũng đã được xem xét miễn 50% tiền án phí theo Quyết định trước đây. Nay Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự bị hủy theo trình tự Giám đốc thẩm, nên khi xét xử lại vẫn xem xét miễn 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị N. Như vậy, 50% án phí là 10.272.000 đồng được trừ tiền án phí đã nộp 4.950.000 đồng, chị N và anh C còn phải nộp 5.322.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đối với kháng cáo của chị N và anh C yêu cầu cơ quan thi hành án trả lại tài sản của anh, chị do Thi hành án phát mãi bán không đúng. Xét thấy yêu cầu của chị N và anh C không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, nếu chị N, anh C không đồng ý thì anh chị có quyền khiếu nại đến cơ quan có thẩm quyền theo Luật Thi hành án dân sự.

Đối với kháng cáo của chị N và anh C yêu cầu bồi thường vì quyền lợi bị xâm hại do những người tiến hành tố tụng gây ra làm thiệt hại kéo dài vụ án. Xét thấy, yêu cầu của chị N, anh C không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên không xem xét.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát Tỉnh, phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng chấp hành tốt quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là chấp nhận một phần kháng cáo của chị N, anh C, sửa án sơ thẩm về phần án phí. Xét thấy, như nhận định ở phần trên, đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của chị N và anh C, sửa bản án sơ thẩm về án phí.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Do Bản án sơ thẩm bị sửa, nên chị N và anh C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 474 Bộ Luật dân sự năm 2005; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH ngày 27/02/2009 của UBTVQH và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2018/DS-ST ngày 13 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện T.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

2. Công nhận sự tự nguyện của chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C liên đới trả cho ông Ngô Việt T 110 (một trăm mười) chỉ vàng 24kr 9T8 và 44.000.000 đồng (bốn mươi bốn triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong số tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

Miễn 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị N.

Chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C phải liên đới chịu 10.272.000 đồng án phí

dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền án phí 4.950.000 đồng mà chị Ngô Thị N đã nộp theo biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0009125 ngày 13-3-2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Như vậy, chị Ngô Thị N và anh Lê Văn C còn phải liên đới chịu 5.322.000 đồng (Năm triệu ba trăm hai mươi hai nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Ngô Việt T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông T 10.140.000 đồng (mười triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số BN/2013 03397 ngày 14/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

- Chị N và anh C không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Chị N và anh C được nhận lại số tiền tạm ứng phí dân sự phúc thẩm là 600.000 đồng theo biên lai số 0001842 ngày 15/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh ĐT;
- Phòng KTNV - THA TA Tỉnh;
- TAND huyện T;
- Chi cục THA DS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ VA, VT, TDS (Hg).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh